

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: /SNN&PTNT-KL  
V/v báo cáo kết quả tham mưu, tổng hợp, dự thảo báo cáo sơ kết tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025.

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Giang tại Công văn số 14002/UBND-NN ngày 20/9/2023 về việc giao tham mưu, tổng hợp, dự thảo báo cáo sơ kết tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan để rà soát, đánh giá tình hình kết quả thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 theo nội dung chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 6484/BNN-LN ngày 14/9/2023; tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Văn bản của UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định (có dự thảo văn bản gửi kèm theo).

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PGĐ Sở Lê Đức Thuận;
- Lưu: VT, KL.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hoài Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NN

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

V/v báo cáo sơ kết thực hiện Đề án  
“Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn  
2021-2025” trên địa bàn tỉnh.

**DỰ THẢO**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Công văn số 6484/BNN-LN ngày 14/9/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo sơ kết thực hiện đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả như sau:

**1. Tình hình triển khai, xây dựng Kế hoạch, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao tại mục VI. Quyết định số 524/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

**1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”, Kế hoạch số 2616/KH-BNN-TCLN ngày 7/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 436-VP/TU ngày 17/2/2021; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 24/5/2021 về trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025 (theo đó, trên địa bàn toàn tỉnh kế hoạch trồng 34,5 triệu cây xanh các loại); Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về Ban hành quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Vào đầu vụ Xuân hàng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch để chỉ đạo, triển khai giao nhiệm vụ trồng cây xanh trong các lễ khởi công, khánh thành, Tết trồng cây đến từng địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời chỉ đạo các ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai kế hoạch trồng cây xanh đến từng địa phương gắn với thực hiện phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, tập huấn, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng, phát triển cây xanh trên địa bàn tỉnh, nhằm phấn đấu hoàn thành kế hoạch trồng rừng tập trung, trồng cây xanh phân tán hàng năm.

- Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan xây dựng Kế

hoạch, bố trí kinh phí, tổ chức trồng cây xanh gắn với kiểm soát chất lượng giống cây trồng, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong trồng cây, trồng rừng trên từng địa bàn theo quy định. Kết quả, các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Kế hoạch trồng cây xanh giai đoạn 2021-2025, trong đó phân bổ chỉ tiêu kế hoạch chi tiết đến từng xã, phường.

### **1.2. Công tác tuyên truyền thực hiện Kế hoạch**

- Chỉ đạo các Sở ban, ngành cấp tỉnh; cấp ủy, chính quyền các cấp lựa chọn nội dung, hình thức, đối tượng tuyên truyền phù hợp (đã tổ chức được 46 lớp tập huấn kỹ thuật trồng cây xanh, 392 cuộc tuyên truyền cấp thôn, bản) nhằm vận động, hướng dẫn, tập huấn, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng, phát triển cây xanh trên địa bàn tỉnh; góp phần tạo phong trào thi đua thường xuyên của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân tích cực, chủ động, hưởng ứng tham gia.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thị xã, thành phố kêu gọi, vận động, huy động các tổ chức, doanh nghiệp tham gia, chung tay đóng góp thực hiện trồng cây xanh vì cộng đồng,...; phát động phong trào thi đua như “Ngày Chủ Nhật xanh”, “Ngày Chủ Nhật nông thôn mới”, “Trồng thêm một cây xanh là thêm một hành động vì môi trường”, “Màu xanh cho tương lai”, “Phủ xanh tường rào Nhà văn hóa thôn, khu phố”, “Đường cây Thanh niên”, “Cải tạo vườn tạp, xây dựng vườn mẫu” ... để kêu gọi, vận động toàn dân tham gia trồng cây, trồng rừng, tạo nên phong trào thường xuyên, liên tục, hiệu quả trong toàn xã hội và đưa nhiệm vụ trồng cây trở thành phong trào thi đua của các cấp, các ngành và mọi người dân.

- Sở Nông nghiệp và PTNT, Tỉnh đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan tổ chức 02 đợt phát động “Ngày Chủ Nhật xanh”, “Màu xanh cho tương lai”; 02 hội thi truyền thông BVR, PCCCR và phát động phong trào trồng, bảo vệ cây xanh năm 2022 tại huyện Ngọc Lặc và Lang Chánh cho đoàn viên, thanh niên 13 huyện có rừng trên địa bàn tỉnh tham gia trồng cây, trồng rừng; qua đó các đoàn viên đã nhận thức, xác định vai trò, ý nghĩa, giá trị sinh thái, nhân văn của việc trồng cây, trồng rừng là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu; hoàn thành thắng lợi kế hoạch trồng cây, trồng rừng gắn theo chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển Lâm nghiệp bền vững hàng năm và giai đoạn 2021-2025.

## **2. Kết quả huy động nguồn lực và tổ chức trồng cây xanh năm trong 3 năm (2021-2023)**

### **2.1. Về kinh phí:**

Kết quả huy động nguồn lực trồng cây xanh trong 03 năm (2021-2023) trên địa bàn tỉnh: 291.722,4 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 100.207,8 triệu đồng.
- Vốn ODA: 40.132,8 triệu đồng.
- Vốn Xã hội hóa: 122.057,0 triệu đồng.
- Nguồn khác: 29.324,9 triệu đồng.

## **2.2. Về khối lượng:**

Kết quả trồng cây xanh trong 03 năm (2021-2023): 24.020,7 nghìn cây (đạt 69,62% kế hoạch giai đoạn 2021-2025), trong đó:

- Trồng rừng tập trung quy đổi sang cây xanh: 4.531,6 ha/6.410,7 nghìn cây trong đó: rừng phòng hộ 607,9 ha/957,4 nghìn cây; rừng sản xuất 3.951,9 ha/5.453,3 nghìn cây.

- Trồng cây xanh phân tán: 17.610 nghìn cây (khu vực đô thị 2.785 nghìn cây; khu vực nông thôn 14.825 nghìn cây).

*(Chi tiết có Phụ biểu gửi kèm)*

## **3. Khó khăn, vướng mắc**

- Thanh Hóa có 11 huyện miền núi, diện tích lớn (diện tích tự nhiên 798,4 nghìn ha, chiếm 71,8% diện tích toàn tỉnh; diện tích rừng 605,5 nghìn ha; diện tích rừng tham gia độ che phủ 560,1 nghìn ha, độ che phủ của rừng đạt 53,6%); đây là khu vực gìn giữ giá trị đa dạng sinh học cao của tỉnh; tuy nhiên với địa hình có độ dốc lớn, chia cắt mạnh nhiều vùng đất khô cằn, thoái hóa, là khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, gió Lào, điều kiện đi lại khó khăn; diện tích đủ tiêu chí trồng rừng còn lại manh mún, đơn giá cây giống lâm nghiệp, nhân công tăng, định mức hỗ trợ trồng rừng hiện nay vẫn còn thấp nên ảnh hưởng rất lớn đến công tác trồng cây, trồng rừng nhất là trồng rừng tập trung.

- Ngân sách còn hạn chế, trong khi nguồn lực cho phát triển cây xanh đô thị chủ yếu còn dựa vào ngân sách nhà nước; chưa có cơ chế, chính sách để khuyến khích mọi thành phần kinh tế và nhân dân tham gia xã hội hóa trồng cây xanh đô thị.

## **4. Kiến nghị, đề xuất**

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp theo hướng tăng đơn giá hỗ trợ trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để phù hợp với thực tế, tạo động lực thúc đẩy công tác phát triển rừng trên địa bàn.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trình Chính phủ; đồng thời cân đối, đảm bảo kinh phí ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện.

**5. Đề xuất khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc**

- Hình thức khen thưởng: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

+ Tên đơn vị: Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa

+ Cá nhân: Ông Thiều Văn Lục, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa.

- Hình thức khen thưởng: Giấy khen của Cục Lâm nghiệp

+ Cá nhân: Ông Bùi Viết Kính, Phó Trưởng phòng Sử dụng và PTR, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa.

*(Chi tiết có Báo cáo thành tích gửi kèm theo)*

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỒNG CÂY XANH GIAI ĐOẠN 2021-2023**  
(Kèm theo văn bản số: /UBND-NN ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Chia các năm					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023			
					KH	Đã TH	Ước TH cả năm	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>(3=4+5+8)</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	
<b>I</b>	<b>Tổng DT trồng rừng tập trung (ha)</b>	4.531,6	1.998,9	2.070,9	525,8	261,8	461,8	
	<b>Quy ra tổng số cây tương đương (ĐVT: 1.000 cây)</b>	<b>6.410,7</b>	<b>2.435,0</b>	<b>3.067,7</b>	<b>900,0</b>	<b>394,2</b>	<b>908,0</b>	
	<b>Trong đó:</b>							
1	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng (ha)	607,9	305,9	212,0	80,0	61,8	90,0	
	<i>Quy ra số cây tương đương (1.000 cây)</i>	957,4	420,0	429,4	186,6	74,2	108,0	
2	Trồng mới rừng sản xuất (ha)	3.951,9	1.693,0	1.858,9	445,8	200,0	400,0	
	<i>Quy ra số cây tương đương (1.000 cây)</i>	5.453,3	2.015,0	2.638,3	713,4	320,0	800,0	
<b>II</b>	<b>Trồng cây xanh phân tán (ĐVT: 1.000 cây)</b>	<b>17.610,0</b>	5.220,0	6.195,0	6.195,0	5.300,0	6.195,0	
1	<b>Khu vực đô thị:</b> đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng, vườn nhà và các công trình công cộng khác... <i>(1.000 cây)</i>	2.785,0	743,0	1.056,0	986,0	843,0	986,0	
2	<b>Khu vực nông thôn:</b> vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác,... <i>(1.000 cây)</i>	14.825,0	4.477,0	5.139,0	5.209,0	4.457,0	5.209,0	
	<b>Cộng I + II:</b>	<b>24.020,7</b>	<b>7.655,0</b>	<b>9.262,7</b>	<b>7.095,0</b>	<b>5.694,2</b>	<b>7.103,0</b>	

**Phụ lục II**  
**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC**

(Kèm theo văn bản số: /UBND-NN ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Kết quả huy động nguồn lực (triệu đồng)				Ghi chú
			NSNN	Vốn ODA	Vốn XHH	Nguồn khác	
<b>I</b>	<b>Tổng DT trồng rừng tập trung</b>	<b>139.991,6</b>	<b>52.130,8</b>	<b>39.511,0</b>	<b>37.246,0</b>	<b>11.103,9</b>	
1	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	64.545,2	19.188,0	39.511,0		5.846,3	
2	Trồng mới rừng sản xuất	75.446,4	32.942,8		37.246,0	5.257,6	
<b>II</b>	<b>Trồng cây xanh phân tán</b>	<b>151.730,8</b>	<b>48.077,0</b>	<b>621,8</b>	<b>84.811,0</b>	<b>18.221,0</b>	
1	<b>Khu vực đô thị:</b> đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng, vườn nhà và các công trình công cộng khác....	43.615,0	23.717,0		14.137,0	5.761,0	
2	<b>Khu vực nông thôn:</b> vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác,...	108.115,8	24.360,0	621,8	70.674,0	12.460,0	
	<b>Cộng I + II:</b>	<b>291.722,4</b>	<b>100.207,8</b>	<b>40.132,8</b>	<b>122.057,0</b>	<b>29.324,9</b>	

**Phụ lục III**  
**KẾ HOẠCH TRỒNG CÂY XANH NĂM 2024 - 2025**  
(Kèm theo văn bản số: /UBND-NN ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>(3=4+5)</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<b>I</b>	<b>Tổng DT trồng rừng tập trung (ha)</b>	<b>1.052</b>	<b>526</b>	<b>526</b>	
	<b>Quy ra tổng số cây tương đương (ĐVT: 1.000 cây).</b>	1.800	900	900	
	<b>Trong đó:</b>	-			
1	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng (ha)	160	80	80	
	<i>Quy ra số cây tương đương (1.000 cây)</i>	373	187	187	
2	Trồng mới rừng sản xuất (ha)	892	446	446	
	<i>Quy ra số cây tương đương (1.000 cây)</i>	1.427	713	713	
<b>II</b>	<b>Trồng cây xanh phân tán (ĐVT: 1.000 cây)</b>	<b>12.390</b>	<b>6.195</b>	<b>6.195</b>	
1	<b>Khu vực đô thị:</b> đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng, vườn nhà và các công trình công cộng khác....(1.000 cây)	1.972	986	986	
2	<b>Khu vực nông thôn:</b> vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh, muông, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác,... (1.000 cây)	10.418	5.209	5.209	
	<b>Cộng I + II:</b>	<b>14.190</b>	<b>7.095</b>	<b>7.095</b>	